HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5 /2023/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 13 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;

Xét Tờ trình số 77 /TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số

04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

1. Bãi bỏ khoản thu *"Lệ phí đăng ký cư trú"* quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Lệ phí hộ tịch

a) Bãi bỏ quy định về mức thu tại điểm đ "*Cấp bản sao trích lục hộ tịch*", điểm g "*Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*" tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã; bãi bỏ điểm e "*Cấp bản sao trích lục hộ tịch*" tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Sửa đổi nội dung thu tại điểm a, b, c, e quy định tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm a, b, c, d, f, h quy định tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc Phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
2.1	Mức thu lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:		
a	Khai sinh (*bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân*)	Đồng/lần	5.000
b	Khai tử (*bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử*)	Đồng/lần	5.000
c	Kết hôn (*đăng ký lại kết hôn*)	Đồng/lần	25.000
d	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	10.000
e	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cứ trú ở trong nước	Đồng/lần	10.000
f	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/lần	10.000
h	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	5.000

2.2	Mức thu lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:	Đồng/lần	
a	Khai sinh (*bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân*)	Đồng/lần	55.000
b	Khai tử (*bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử*)	Đồng/lần	55.000
c	Kết hôn (*bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn*)	Đồng/lần	1.000.000
d	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	Đồng/lần	55.000
đ	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	1.000.000
f	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Đồng/lần	25.000
g	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng/lần	55.000
h	Đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	55.000

3. Sửa đổi tỷ lệ điều tiết nộp Ngân sách nhà nước

a) Sửa đổi mục 14, 15 Phần I về Phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: *"Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào ngân sách tỉnh"*.

b) Sửa đổi mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh từ tỷ lệ điều tiết 100% cho Ngân sách huyện, thành phố, thị xã thành 100% cho Ngân sách tỉnh đối với cơ quan thu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sửa đổi một số cụm từ của Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

Sửa đổi cụm từ "*Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường*" thành cụm từ "*Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương*" và cụm từ "*Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện, thành phố, thị xã*" thành cụm từ "*Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành*

phố, thị xã" tại mục 14, 15 Phần I về Phí và mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, tại phần I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

***Nơi nhận*:**
- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

(*để báo cáo*)

- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC

SỬA ĐỔI TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số: /2023/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
A	**Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương**							
I	**Phí**							
14	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	đ/hồ sơ	30,000	80%	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào Ngân sách tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
15	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm			80%	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào Ngân sách tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
15.1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	đ/giấy chứng	80,000					
15.2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	-	70,000					
15.3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	-	60,000					
15.4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	-	20,000					
II	**Lệ phí**							
4	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất							

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
4.1	Cấp lần đầu							
a	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử	đ/giấy						
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	25,000		100%			Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	13,000		100%			
	- Tổ chức	đ/giấy			100%			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương
	+ Dưới 500m^2	đ/giấy	60,000					
	+ Từ 500m^2 đến dưới 1000m^2	đ/giấy	80,000					
	- Từ 1000m^2 trở lên	đ/giấy	100,000					
b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất							
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	80,000		100%			Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/giấy	40,000		100%			
	- Tổ chức				100%			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương
	+ Dưới 500m^2	đ/giấy	250,000					
	+ Từ 500m^2 đến dưới 1000m^2	đ/giấy	300,000					
	+ Từ 1000m^2 trở lên	đ/giấy	400,000					
4.2	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận							
a	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung chỉ về đất							
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20,000		100%			Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10,000		100%			

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
	- Tổ chức				100%			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương
	+ Dưới 500m^2	đ/lần	20,000					
	+ Từ 500m^2 đến dưới 1000m^2	đ/lần	20,000					
	+ Từ 1000m^2 trở lên	đ/lần	20,000					
b	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài							
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20,000		100%			Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10,000		100%			
	- Tổ chức				100%			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương
	+ Dưới 500m^2	đ/lần	30,000					
	+ Từ 500m^2 đến dưới 1000m^2	đ/lần	40,000					
	+ Từ 1000m^2 trở lên	đ/lần	50,000					
	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất							
B	**Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương**							

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Chi tiết các mức thu quy định tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	80%	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào Ngân sách tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã